

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 8 - 2019
V/v ly hôn và tranh chấp
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Du;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Anh K , sinh năm 1986; địa chỉ: Số 243/25/1, đường H, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Thúy L , sinh năm 1987; Số 243/25/1, đường H, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Anh K trình bày:*

Ông Trần Anh K và bà Phan Thị Thúy L tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 23/9/2011. Trong quá

trình chung sống, bà L làm môi giới bất động sản, đi làm không có giờ giấc ổn định, thường đi sớm về khuya, không chăm lo cho gia đình và chồng con, ông K đã nhiều lần khuyên bảo bà L tìm công việc ổn định để chăm sóc gia đình nhưng bà L vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn gia đình ngày càng gay gắt khi mẹ ruột ông K vào chữa bệnh nhưng bà L bỏ mặc mẹ chồng không chăm sóc, hiện nay ông K và bà L đã sống ly thân, ông K có trao đổi với bà L về việc ly hôn nhưng bà L yêu cầu ông K tự làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Nhận thấy, tình cảm của ông K dành cho bà L không còn nên ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L. Về con chung: Ông K và bà L có một con chung là cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 18/10/2012. Vì hiện nay con chung đang sống cùng bà L nên ông K giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Phan Thị Thúy L* : Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng các quy định tại các Điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng. Về mặt nội dung: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa ông K và bà L đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung, nhận thấy ông K đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không có ý kiến về con chung nên việc ông K giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở theo Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Ông K không cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phan Thị Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà L sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 23/9/2011 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn ông K trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là bà L làm môi giới bất động sản, đi làm không có giờ giấc ổn định, thường đi sớm về khuya, không chăm lo cho gia đình và chồng con, ông K đã nhiều lần khuyên bảo bà L tìm công việc ổn định để chăm sóc gia đình nhưng bà L vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn gia đình ngày càng gay gắt khi mẹ ruột ông K vào chữa bệnh nhưng bà L bỏ mặc mẹ chồng không chăm sóc, hiện nay ông K và bà L đã sống ly thân, bà L biết việc ông K xin ly hôn nhưng bà L không quan tâm. Nhận thấy tình cảm dành cho bà L không còn nên ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L .

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần triệu tập bà L đến làm việc nhưng bà L không đến và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào, chứng tỏ bà L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa ông K và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay ông K và bà L đã sống ly thân. Do vậy, việc ông K yêu cầu được ly hôn với bà L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông K khai có một con chung là cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 18/10/2012, ông K đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy cháu H còn nhỏ và hiện đang sống cùng bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo ý kiến, yêu cầu của ông K nhưng bà L không có ý kiến về con chung nên việc ông K đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở theo Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Ông K được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không cấp dưỡng nuôi con và bà L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, khi các đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và

việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Anh K đối với bị đơn bà Phan Thị Thúy L về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Anh K được ly hôn với bà Phan Thị Thúy L .

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh L cấp cho ông Trần Anh K và bà Phan Thị Thúy L ngày 23/9/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 18/10/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Trần Ngọc Gia H, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Anh K phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016-0033851 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh